

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, TP.HCM

MST: 0304772590

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/25	01/01/25
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 +120+130+140+150)	100		37.555.661.815	36.798.222.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.981.324.965	6.505.251.491
1. Tiền	111		6.981.324.965	6.505.251.491
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	28.564.844.691	29.588.993.947
1. Đầu tư ngắn hạn	121		28.564.844.691	29.588.993.947
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	1.874.868.791	592.737.584
1. Phải thu khách hàng	131		1.281.824.000	80.250.000
2. Trả trước cho người bán	132		102.600.000	10.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		475.390.611	498.447.054
5. Các khoản phải thu khác	135		15.054.180	4.040.530
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134.623.368	111.239.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		134.623.368	111.239.313
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		3.095.268.823	3.306.078.871
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220	V.04	956.841.831	1.098.661.180
1. Tài sản cố định hữu hình	221		59.453.837	89.228.477
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(238.292.663)	(208.518.023)
3. Tài sản cố định vô hình	227		897.387.994	1.009.432.703
- Nguyên giá	228		1.834.500.000	1.764.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(937.112.006)	(755.067.297)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	40.000.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.05	2.138.426.992	2.167.417.691
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		50.806.992	79.797.691
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.087.620.000	2.087.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.650.930.638	40.104.301.206



Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hoà, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/25	01/01/25
1	2	3		5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		423.504.257	780.299.200
I. Nợ ngắn hạn	310		423.504.257	780.299.200
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.06		
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	151.073.658	266.373.844
5. Phải trả người lao động	315	V.08		406.503.466
6. Chi phí phải trả	316		37.133.924	36.763.818
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	88.524.650	23.869.856
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		146.772.025	46.788.216
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VII	40.227.426.381	39.324.002.006
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	414		5.094.420.265	4.190.995.890
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	415		133.006.116	133.006.116
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.650.930.638	40.104.301.206

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hoà, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011
của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/25	01/01/25
1	2	3	4	5
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2			
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận ký cược	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		19.851.730.000	23.993.120.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		19.851.730.000	23.993.120.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008			
6.3. Chứng khoán cầm cố	009			
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010			
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011			
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012			
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014			
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015			
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020			
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		6.958.163	1.196.845
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		6.958.163	1.196.845
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		28.350.000.000	28.350.000.000
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.10	28.350.000.000	28.350.000.000
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050			
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.11	286.178.275	243.265.587

Người lập



BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng



BÙI THUÝ HOÀ



TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

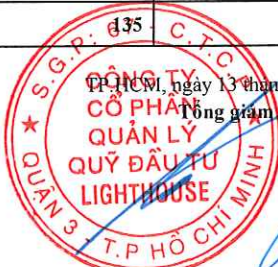
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2025	2024	2025	2024
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu	01	VI.1	1.315.127.790	433.922.875	1.315.127.790	433.922.875
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		1.315.127.790	433.922.875	1.315.127.790	433.922.875
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2				
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		1.315.127.790	433.922.875	1.315.127.790	433.922.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.662.767.843	5.742.011.527	5.662.767.843	5.742.011.527
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	117.006.245	1.336.193.121	117.006.245	1.336.193.121
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.731.004.975	4.367.069.450	5.731.004.975	4.367.069.450
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		1.129.884.413	472.671.831	1.129.884.413	472.671.831
10. Thu nhập khác	31	VI.6	10.466.174		10.466.174	
11. Chi phí khác	32	VI.7	10.466.174		10.466.174	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.129.884.413	472.671.831	1.129.884.413	472.671.831
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8				
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.129.884.413	472.671.831	1.129.884.413	472.671.831
18. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		323	335	323	135

Người lập


BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng


BÙI THUÝ HOÀ



T.P.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025
Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hoà, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B03 - CTQ
(Ban hành theo TT số 125 /2011 /TT-BTC
ngày 05 /09/ 2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2025	2024
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				-
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.643.587.306	-
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.878.371.590)	(1.371.135.103)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.039.575.753)	(2.170.844.476)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(133.998.554)	(209.163.967)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			516.508.646
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(1.554.411.034)	(1.035.709.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.962.769.625)	(4.270.344.617)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(30.000.000)	(50.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.438.840.000)	(3.953.210.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.904.990.000	12.688.285.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.693.099	1.963.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.438.843.099	8.687.038.283
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		476.073.474	4.416.693.666
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.505.251.491	1.608.748.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		6.981.324.965	6.025.442.231

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Tổng giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số tăng/ giảm			Số cuối kỳ	
	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024		Giảm	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
			Tăng	Tăng			
1	2	3	4	6	7	8	9
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000				35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần							
3. Vốn khác của chủ sở hữu							
4. Cổ phiếu quỹ (*)							
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản							
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái							
7. Quỹ đầu tư phát triển							
8. Quỹ dự phòng tài chính							
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116	133.006.116				133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	3.021.719.254	3.318.917.498	1.849.910.386	2.286.623.408	(511.120.641)	3.398.905.435	5.094.420.265
TỔNG CỘNG	38.154.725.370	38.451.923.614	1.849.910.386	2.286.623.408	(511.120.641)	38.531.911.551	40.227.426.381

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ
LIGHTHOUSE
QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 131/GPĐC-UCK ngày 31/12/2021 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 12 ngày 28/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch :	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Tên tiếng Anh :	Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Trụ sở chính :	Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hoà, Tp.Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ :	35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng.)
Nghịệp vụ kinh doanh :	+ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; + Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. + Tư vấn đầu tư chứng khoán
Người đại diện pháp luật:	Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc
Tổng số nhân viên	16 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2025 doanh thu chủ yếu là lãi đầu tư tài chính (lãi từ việc đầu tư chứng khoán) và doanh thu từ nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)
- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 ~ 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 ~ 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 ~ 5

Tài sản cố định vô hình	Số năm
TSCĐ vô hình khác	1 ~ 5

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong khoản thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và trích trước

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Các quỹ dự trữ bắt buộc.

- Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính về việc hủy trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ theo thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

10 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- **Các khoản mục không có số dư:** Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

- **Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:** Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

Đvt: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/25	01/01/25
a. Tiền	6.981.324.965	6.505.251.491
- Tiền mặt	138.844.595	150.072.336
- Tiền gửi ngân hàng	547.770.399	500.723.621
- Tiền tại tài khoản chứng khoán	6.294.709.971	5.854.455.534
b. Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	6.981.324.965	6.505.251.491

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/25		01/01/25	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
- Cổ phiếu	1.985.173	28.564.844.691	2.399.312	29.588.993.947
Mã BMS	65	-	59	-
Mã DCF	177.255	6.009.800.876	129.600	6.297.991.942
Mã DBD	226.137	11.068.408.926	173.937	7.334.374.905
Mã NAB	1.581.716	11.486.634.889	1.985.716	14.361.627.100
- Trái phiếu	-	-	-	-
Cộng	1.985.173	28.564.844.691	2.399.312	29.588.993.947

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

	30/06/2025	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	01/01/2025
- Chứng khoán kinh doanh	28.564.844.691	8.462.989.256	7.438.840.000	29.588.993.947
+ Cổ phiếu	28.564.844.691	8.462.989.256	7.438.840.000	29.588.993.947
	28.564.844.691	8.462.989.256	7.438.840.000	29.588.993.947

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

a. Phải thu khách hàng

	30/06/25	01/01/25
- Phải thu về giao dịch chứng khoán	1.281.824.000	80.250.000
+ Thu tiền bán chứng khoán	1.281.824.000	80.250.000
+ Cổ tức	829.550.000	-
	452.274.000	-

b. Trả trước cho người bán

- Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn A & C	102.600.000	10.000.000
--	-------------	------------

c. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

- Quỹ mở LHBF	475.390.611	498.447.054
- Quỹ mở LHCDF	103.332.055	105.196.531
- Quản lý danh mục đầu tư	87.564.970	151.938.576
	284.493.586	241.311.947

d. Các khoản phải thu khác (thuế TNCN phải nộp)

- Thuế TNCN phải nộp	15.054.180	4.040.530
- Quỹ mở LHBF	9.764.483	1.854.104
- Quỹ mở LHCDF	5.289.697	2.186.426
Cộng	1.874.868.791	592.737.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

4. Tăng, giảm tài sản cố định

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

		Máy móc, thiết bị văn phòng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	01/01/25	155.870.000	141.876.500		297.746.500
Mua sắm mới		-	-		-
Thanh lý, nhượng bán		-	-		-
Số dư cuối kỳ	30/06/25	155.870.000	141.876.500	-	297.746.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	01/01/25	120.318.144	88.199.879		208.518.023
Khấu hao trong kỳ		15.586.992	14.187.648		29.774.640
Giảm trong kỳ		-	-		-
Số dư cuối kỳ	30/06/25	135.905.136	102.387.527	-	238.292.663
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày	01/01/25	35.551.856	53.676.621	-	89.228.477
2. Tại ngày	30/06/25	19.964.864	39.488.973	-	59.453.837

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

		Chương trình phần mềm	Tài sản vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	01/01/25	666.000.000	1.098.500.000	1.764.500.000
Mua sắm mới		-	70.000.000	70.000.000
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
Số dư cuối kỳ	30/06/25	666.000.000	1.168.500.000	1.834.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	01/01/25	339.178.488	415.888.809	755.067.297
Khấu hao trong kỳ		66.600.000	115.444.709	182.044.709
Giảm trong kỳ		-	-	-
Số dư cuối kỳ	30/06/25	405.778.488	531.333.518	937.112.006
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày	01/01/25	326.821.512	682.611.191	1.009.432.703
2. Tại ngày	30/06/25	260.221.512	637.166.482	897.387.994

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2025

5. Tài sản dài hạn khác

a. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền website
- Chi phí trả trước khác

b. Tài sản dài hạn khác:

- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng
- Cty TNHH TM và tiếp vận Đại Dương Xanh - Đặt cọc thuê xe
- Khác

Cộng

6. Phải trả người bán

Cộng

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ

Cộng

8. Phải trả người lao động

- Lương phải trả người lao động

Cộng

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn
- Chi hộ của quỹ
- Khác

Cộng

10. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước:

Cổ phiếu : RYG

- Số lượng
- Giá trị thị trường

11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác

- Phí quản lý danh mục
- Phí lưu ký của ngân hàng
- Phí lưu ký của VSDC

Cộng

	30/06/25	01/01/25
	50.806.992	79.797.691
	44.025.661	44.739.028
	1.248.000	16.325.332
	1.266.661	1.666.663
	4.266.670	17.066.668
	2.087.620.000	2.087.620.000
	187.200.000	187.200.000
	1.900.000.000	1.900.000.000
	420.000	420.000
	2.138.426.992	2.167.417.691
	-	-
	30/06/25	01/01/25
	-	-
	-	-
	-	-
	30/06/25	01/01/25
	-	133.998.554
	132.419.478	103.212.215
	18.654.180	29.163.075
	151.073.658	266.373.844
	-	-
	30/06/25	01/01/25
	-	406.503.466
	-	406.503.466
	-	-
	30/06/25	01/01/25
	18.724.650	18.869.856
	64.800.000	-
	5.000.000	5.000.000
	88.524.650	23.869.856
	-	-
	30/06/25	01/01/25
	1.890.000	1.890.000
	23.814.000.000	28.066.500.000
	-	-
	30/06/25	01/01/25
	284.493.586	241.311.947
	1.174.389	1.426.330
	510.300	527.310
	286.178.275	243.265.587

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh

- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư
 - Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- Cộng**

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
177.960.328	27.885.246
1.137.167.462	406.037.629
1.315.127.790	433.922.875

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

- CP hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Cộng**

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
-	-
-	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi từ hoạt động đầu tư
 - Lãi tiền gửi không kỳ hạn
 - Tiền cổ tức
- Cộng**

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
5.207.800.744	5.740.048.244
2.693.099	1.963.283
452.274.000	-
5.662.767.843	5.742.011.527

4. Chi phí tài chính

- Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán
 - Dự phòng giảm giá đầu tư
 - Phí mua bán chứng khoán và chi phí khác
- Cộng**

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
16.500.000	15.218.154
-	1.287.943.793
100.506.245	33.031.174
117.006.245	1.336.193.121

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên
 - Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - Chi phí thuê văn phòng
 - Chi phí vật liệu
 - Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ
 - Chi phí công tác
 - Chi phí thuế, phí, lệ phí
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Chi phí bằng tiền khác
- Cộng**

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
3.551.880.632	2.461.778.972
211.819.349	194.501.540
524.933.310	465.380.505
-	2.500.000
23.456.284	177.958.089
-	149.487.347
149.647.596	126.289.545
950.714.008	683.975.644
318.553.796	105.197.808
5.731.004.975	4.367.069.450

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2025

6. Thu nhập khác

- Thu nhập khác (Thu hộ phí lưu ký của khách hàng).
Cộng

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
10.466.174	-
10.466.174	-

7. Chi phí khác

- Chi phí khác (Chi hộ phí lưu ký của khách hàng).
Cộng

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
10.466.174	-
10.466.174	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Nguyễn Công Hiệp
- Hồ Hoàng Lâm
- Nguyễn Lê Đình Quang
- Nguyễn Thị Duy Thuyết
- Các cổ đông khác
Cộng

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
14.077.000.000	-
-	14.077.000.000
14.091.000.000	-
6.832.000.000	3.416.000.000
-	17.507.000.000
35.000.000.000	35.000.000.000

b. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã phát hành
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu được mua lại
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
-	-
-	-
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
-	-

Người lập



BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng



BÙI THUÝ HOÀ

TP. HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025
Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG